BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
của CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VN BENCHMARK
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
Kèm theo
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

MỤC LỤC

		Trang
1.	**Báo cáo của Hội đồng Quản trị**	02-04
2.	**Báo cáo kết quả công tác soát xét**	05-06
3.	**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét**	
	Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	07-10
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	11
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	12
	Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng chọn lọc giữa niên độ	13-31

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 của Công ty đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần 4 vào ngày 07/09/2015.

Vốn điều lệ của Công ty là 63.010.600.000 VND (Sáu mươi ba tỷ không trăm mười triệu sáu trăm nghìn đồng).

2. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các thành viên như sau :

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật	26/03/2016	
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên Hội đồng quản trị thường trực	26/03/2016	
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên Hội đồng quản trị	30/03/2015	26/03/2016
Bà Hoàng Thị Tuyết Nhung	Thành viên Hội đồng quản trị	26/03/2016	
Ông Vũ Đông Hải	Thành viên Hội đồng quản trị	30/03/2015	26/03/2016

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các thành viên như sau :

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Đông Hải	Tổng Giám đốc	30/02/2012	27/03/2016
Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc	27/03/2016	
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng giám đốc điều hành	30/02/2012	
Ông Nguyễn Tiến Dương	Kế toán trưởng	30/02/2012	

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các thành viên như sau :

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

Họ tên	Chức danh
Bà Nguyễn Thị Hải	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Đào Công Quỳnh	Thành viên
Ông Nguyễn Như Mạnh	Thành viên

3. Trụ sở

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 7 ngách 25/7, phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 4, số 16A, khách sạn Hướng Dương, Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 30 tháng 06 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Hội đồng Quản trị Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)
Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

Hội đồng Quản trị Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị xác nhận rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Hội đồng Quản trị

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị Công ty, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2016

Thay mặt Hội đồng Quản trị

M.S.D.N: 0105824156 - C.T.C.P. CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VN BENCHMARK Q. ĐỐNG ĐA - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Thanh Huyền
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

PKF
Accountants &
business advisers

Số: 144/2016/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 20 tháng 09 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Về Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
của Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam, đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 30/06/2016 kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark được lập ngày 15 tháng 09 năm 2016, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Văn phòng Hà Nội • Tel: +84 4 2221 0082 • Fax: +84 4 2221 0084 • Email: pkf.hn@pkf.com.vn • www.pkf.com.vn
P. 1501 • Nhà 17T5 • Hoàng Đạo Thúy • Quận Thanh Xuân • Thành phố Hà Nội • Việt Nam

PKF Việt Nam là công ty thành viên của Tập đoàn PKF Quốc tế, mạng lưới của các công ty độc lập và không thừa nhận bất kỳ trách nhiệm hoặc nghĩa vụ nào cho các hành động hoặc việc không hành động của bất kỳ công ty hoặc các công ty thành viên khác

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Trong kỳ, Công ty có phát sinh giao dịch trả trước cho người bán bằng tiền mặt, số tiền 21.677.894.00 VND, được miêu tả chi tiết tại đoạn thuyết minh mục c, phần V.3 của bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng chọn lọc.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam

M.S.D.N:0313440640-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
PKF
VIỆT NAM
Q. THANH XUÂN - T.P

Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số: 0162-2015-242-1

Mẫu số B01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**54.257.606.435**	**55.344.091.689**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**25.329.451.746**	**30.694.690.503**
1. Tiền	111		25.329.451.746	30.694.690.503
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**V.2**	**857.800.000**	**21.403.700.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		857.800.000	21.403.700.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**27.939.004.000**	**3.240.122.324**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	26.553.504.000	2.856.922.324
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	804.500.000	316.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	V.4	581.000.000	67.200.000
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**-**	**-**
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**131.350.689**	**5.578.862**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	VI.7	67.604.573	5.578.862
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		63.746.116	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**10.094.713.759**	**9.700.000.000**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**-**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	**220**		**351.500.002**	**-**
1. Tài sản cố định hữu hình	221		351.500.002	-
- Nguyên giá	*222*		*370.000.000*	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(18.499.998)*	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	*225*		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	*228*		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	*231*		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	*232*		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**9.700.000.000**	**9.700.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	9.700.000.000	9.700.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**43.213.757**	**-**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		43.213.757	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**64.352.320.194**	**65.044.091.689**

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**1.171.621.821**	**2.332.366.818**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.171.621.821**	**427.401.818**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.6	1.625.354	15.150.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.6	50.000.000	320.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		-	-
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		-	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.5	1.119.996.467	92.251.818
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		**-**	**1.904.965.000**
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.5	-	1.904.965.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**63.180.698.373**	**62.711.724.871**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.8**	63.180.698.373	62.711.724.871
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		63.010.600.000	63.010.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*63.010.600.000*	*63.010.600.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		170.098.373	(298.875.129)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**64.352.320.194**	**65.044.091.689**

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2016

Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Tiến Dương	Nguyễn Thanh Huyền

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VN BENCHMARK
Số 7 ngách 25/7, Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	**VI.1**	**11.598.970.340**	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**11.598.970.340**	-
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**VI.2**	**11.525.270.440**	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**73.699.900**	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.393.489.882	722.368
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	228.194.338	3.466.164
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*6.611.576*	-
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24			
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	727.497.338	15.128.380
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**511.498.106**	**(17.872.176)**
12. Thu nhập khác	31		-	-
13. Chi phí khác	32		9	-
14. Lợi nhuận khác	**40**		**(9)**	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**511.498.097**	**(17.872.176)**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	42.524.595	-
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	**60**		**468.973.502**	**(17.872.176)**
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		74,43	
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	(10,62)

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2016

Kế toán trưởng | **Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VN BENCHMARK

Nguyễn Tiến Dương | **Nguyễn Thanh Huyền**

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		12.496.867.365	
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(12.839.248.946)	(6.716.166.363)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(268.620.000)	(152.500.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.611.576)	
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(106.270.711)	
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.407.487.231	3.449.004.768
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(882.872.769)	(3.491.748.564)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(199.269.406)**	**(6.911.410.159)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(24.414.894.000)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(804.500.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		316.000.000	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(11.643.191.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		32.189.091.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		68.745.000	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		**(4.288.749.000)**	-
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			47.430.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		35.445.912.563	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(36.323.132.914)	
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(877.220.351)**	**47.430.000.000**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**(5.365.238.757)**	**40.518.589.841**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**		**30.694.690.503**	**2.231.140.745**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**VII.34**	**25.329.451.746**	**42.749.730.586**

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2016

Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Tiến Dương	Nguyễn Thanh Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VN BENCHMARK

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC **Mẫu số B 09a - DN**
Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần 1 vào ngày 07/09/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 7 ngách 25/7 phố Vũ Ngọc Phan, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 4, số 16A, khách sạn Hướng Dương, Nguyễn Công Trứ, phường Phạm Đình Hổ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 63.010.600.000 VND *(Sáu mươi ba tỷ không trăm mười triệu sáu trăm nghìn đồng).*

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là Tư vấn quản trị doanh nghiệp, đầu tư tài chính, kinh doanh thương mại.

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Đại lý, môi giới, đấu giá

  Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu

  Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục

  Chi tiết: Tư vấn du học;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Từ vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Giáo dục văn hóa nghệ thuật;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

  Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);

- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

  Chi tiết: Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

  Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp

  Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại; Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh

  Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh

  Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Trong kỳ, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có công ty con sau:

Tên Doanh nghiệp	Địa chỉ	Quyền biểu quyết
Công ty con		
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Tấm bông Hà Nội - EVC	Lô VIII.3 Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Thanh Khương, Thuận Thành, Bắc Ninh	52,22%

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53//2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Khi thực hiện công tác kế toán, Công ty áp dụng các loại tỷ giá sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế;
- Tỷ giá ghi sổ kế toán.

Ngoài ra, khi xác định nghĩa vụ thuế (kê khai, quyết toán, nộp thuế), Công ty thực hiện theo các qui định của pháp luật về thuế.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh:

Chứng khoán kinh doanh của Công ty bao gồm: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí, lệ phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0), chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Cuối niên độ kế toán, thực hiện lập sự phòng giảm giá nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tuong lai nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

c) Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty con:

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

f) Lập dự phòng đầu tư tài chính

Dự phòng đầu tư tài chính là dự phòng lập theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-55 năm
- Máy móc, thiết bị	03-08 năm
- Phương tiện vận tải	05-06 năm
- Thiết bị văn phòng	03-05 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.
- Chi phí thuê văn phòng có giá trị lớn.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

  Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển…
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

23. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong giai đoạn từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 được trình bày ở thuyết minh số VIII.4.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo) **Mẫu số B 09a - DN**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	440.276.537	967.811.976
Tiền gửi ngân hàng	24.889.175.209	29.726.878.527
- Tiền gửi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành	*18.373.145*	*4.697.834*
- Tiền gửi Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Thành Công	*18.691.208*	*114.875.211*
- Tiền gửi Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Thăng Long	*2.468*	*24.468*
- Tài khoản Magin tại MBS	*519*	*519*
- Tài khoản chứng khoán MA	*981.930*	
- Tài khoản online	*6*	*94.932*
- Tài khoản giao dịch tiền tại chứng khoán Apec	*13.622*	*7.185.563*
- Tài khoản Ngân hàng TMCP Tiên Phong	*24.851.112.311*	*29.600.000.000*
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	**25.329.451.746**	**30.694.690.503**

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
a) Chứng khoán kinh doanh						
- Tổng giá trị cổ phiếu	857.800.000	-	857.800.000	**21.403.700.000**	-	**21.403.700.000**
+ Cổ phiếu CEO		-	-	*20.550.000.000*	-	*20.550.000.000*
+ Cổ phiếu HHS (1)	*4.100.000*		*4.100.000*			
- Các khoản đầu tư khác (2)	*853.700.000*		*(*)*	*853.700.000*		*853.700.000*

(*) Xem tại thuyết minh mục 3.5, phần VIII.3 của bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng chọn lọc

(1) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Hoàng Huy, số lượng 500 Cổ phiếu
(2) Các khoản đầu tư khác là khoản đầu tư góp vốn vào bốn (04) Công ty là đơn vị cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, chi tiết

	Số lượng cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
+ Công ty Cổ phần May Nam Định	*12.000*	360.000.000	360.000.000
+ Công ty Cổ phần Xi măng X18	*12.510*	*125.100.000*	*125.100.000*
+ Công ty Cp Viễn thông - Tin học Bưu điện	*12.730*	*254.600.000*	*254.600.000*
+ Công ty CP Đầu tư Xây lắp Tây Hồ	*10.000*	*114.000.000*	*114.000.000*
Cộng	**47.240**	**853.700.000**	**853.700.000**

b) Đầu tư dài hạn khác
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác						
- Đầu tư vào Công ty con	**9.700.000.000**	**9.700.000.000**	**-**	**9.700.000.000**	**9.700.000.000**	**-**
- Đầu tư vào Công ty con			-			-
+ Công ty CP sản xuất kinh doanh tấm bông Hà Nội EVC (*)	*9.700.000.000*	*9.700.000.000*	-	*9.700.000.000*	*9.700.000.000*	-

(*)**Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Tấm bông Hà Nội - EVC:** Vốn điều lệ 18.000.000.000 VND. Năm 2014 công ty đã mua lại 940.000 CP (giá mua là 9.700.000.000 VND), chiếm 52,22% vốn sở hữu của Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Tấm bông Hà Nội - EVC.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B 09a - DN
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán *Đơn vị tính: VND*

3 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
a) Phải thu khách hàng ngắn hạn		
a1) Phải thu khách hàng ngắn hạn		
a2) Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.610.000	356.922.324
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	*8.610.000*	
Các đối tượng khác		*356.922.324*
b) Phải thu khách hàng dài hạn		
c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	**26.544.894.000**	**2.500.000.000**
c1) Phải thu khách hàng		
c2) Trả trước cho khách hàng là các bên liên quan		
Bà Vũ Cẩm La Hương (*)	*26.544.894.000*	*2.500.000.000*
Cộng	**26.553.504.000**	**2.856.922.324**

(*) Thỏa thuận mua bán số 01/TTMB/IBCI/2016 ngày 15/02/2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark với gia đình ông Trần Thanh Hải và bà Vũ Cẩm La Hương về mua biệt thự 11, đường Hoa Lan 4 (HL4-11), khu đô thị sinh thái Vinhomes Riversides, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội. Công ty đã trả trước cho bà Hương 24.044.894.000 VND, trong đó trả bằng tiền mặt 21.677.894.000 VND.

4 . PHẢI THU KHÁC	**Số cuối kỳ**		**Số đầu năm**	
	Giá trị	**Dự phòng**	**Giá trị**	**Dự phòng**
a) Ngắn hạn	**1.385.500.000**	-	**67.200.000**	-
- Phải thu khác	*354.000.000*	-	*67.200.000*	-
- Tạm ứng	*227.000.000*	-	-	-
- Cho vay ngắn hạn	804.500.000	-	316.000.000	
+ Tống Thị Minh Tâm			*316.000.000*	
+ Nguyễn Thị Huệ (*)	*280.000.000*			
+ Trần Ngọc Sơn (**)	*524.500.000*			
b) Dài hạn				
Cộng	**1.385.500.000**		**67.200.000**	

(*) Hợp đồng cho vay số 03/HDVV/IBCI-HUE/2016 ngày 11/01/2016, số tiền 280.000.000, lãi suất 5%/năm, thanh toán vào ngày đáo hạn hợp đồng, ngày đáo hạn là ngày 11/01/2017 .

(**) Hợp đồng cho vay số 05/HDVV/IBCI-SON/2016 ngày 01/06/2016, số tiền 398.000.000, lãi suất 5%/năm, thanh toán vào ngày đáo hạn hợp đồng, ngày đáo hạn là ngày 01/06/2017 và Hợp đồng cho vay số 02/HDVV/IBCI-SON/2016 ngày 11/01/2016, số tiền 126.500.000, lãi suất 5%/năm, thanh toán vào ngày đáo hạn hợp đồng, ngày đáo hạn là ngày 11/01/2017.

6 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	43.213.757	-
- Chi phí Công cụ dụng cụ xuất dùng	*43.213.757*	-
Cộng	**43.213.757**	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo) **Mẫu số B 09a - DN**
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	**Cộng**
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm						
Tăng trong kỳ	-	-	370.000.000	-	-	**370.000.000**
- Mua trong kỳ			*370.000.000*			***370.000.000***
Giảm trong kỳ	-	-	-	-		
Số dư cuối kỳ	-	-	370.000.000	-	-	**370.000.000**
II. Giá trị hao mòn luỹ kế						
Số dư đầu năm						
Tăng trong kỳ	-	-	18.499.998	-	-	**18.499.998**
- Số khấu hao trong kỳ			*18.499.998*		-	***18.499.998***
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	
Số dư cuối kỳ	-	-	18.499.998	-	-	**18.499.998**
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	351.500.002	-	-	**351.500.002**

5 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị : VND

	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	**1.119.996.467**	**1.119.996.467**	**36.345.877.563**	**35.318.132.914**	**92.251.818**	**92.251.818**
Công ty CP Chứng khoán APEC	-	-	160.571.677	174.881.706	14.310.029	14.310.029
Công ty CP chứng khoán Maritime bank	20.031.467	20.031.467	35.085.340.886	35.143.251.208	77.941.789	77.941.789
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.099.965.000	1.099.965.000	1.099.965.000	-	-	-
Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh	*189.965.000*	*189.965.000*	*189.965.000*			
Bà Vũ Cẩm La Hương	*910.000.000*	*910.000.000*	*910.000.000*			-
b) Vay dài hạn	-	-	-	**1.904.965.000**	**1.904.965.000**	**1.904.965.000**
Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh	-	-		244.965.000	244.965.000	244.965.000
Bà Vũ Cẩm La Hương	-	-		1.660.000.000	1.660.000.000	1.660.000.000
Cộng	**1.119.996.467**	**1.119.996.467**	**36.345.877.563**	**37.223.097.914**	**1.997.216.818**	**1.997.216.818**

(*) Danh sách các hợp đồng vay

(1) Hợp đồng vay số 01/HDVV/HUONG-IBCI/2016 ngày 18/01/2016, số tiền 200.000.000, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất 0%

(2) Hợp đồng vay số 02/11/2015/HDVV/HUONG-VNBC ngày 02/11/2015, số tiền 360.000.000, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất 0%

(3) Hợp đồng vay số 13/10/2015/HDVV/HUONG-VNBC ngày 13/10/2015, số tiền 1.200.000.000, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất 0%

(4) Hợp đồng vay số 22/10/2015/HDVV/HUONG-VNBC ngày 22/12/2015, số tiền 100.000.000, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất 0%

(5) Hợp đồng cho vay ngày 31/01/2014, Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh cho VN Benchmark vay số tiền 244.965.000VND để hoạt động kinh doanh, thời hạn vay 02 năm kể từ ngày chuyển tiền, lãi suất 0%, tính toán trả lãi vào cuối kỳ thanh toán cùng đợt trả gốc tiền vay và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/2015/HDVV/HANH_VNBC ngày 29/01/2016 gia hạn khoản vay đến tháng 1/2017, lãi suất 0%.

8 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	**1.625.354**	**1.625.354**	**15.150.000**	**15.150.000**
- Công ty CP Du lịch Thương mại Đầu tư TRACOTOUR	*1.625.354*	*1.625.354*	*15.150.000*	*15.150.000*
Người mua trả tiền trước	**50.000.000**	**50.000.000**	**320.000.000**	**320.000.000**
- Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú		-	*320.000.000*	*320.000.000*
- Công ty Cổ phần Hồng Hạc Đại Lải	*50.000.000*	*50.000.000*		
Cộng	**51.625.354**	**51.625.354**	**335.150.000**	**335.150.000**
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
d) Phải trả người bán là các bên liên quan				

9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a) Phải nộp

b) Phải thu	Đầu năm	Số phải thu trong kỳ	Số đã thu trong kỳ	Cuối kỳ
- Thuế GTGT được khấu trừ	5.578.862	1.221.922.745	1.159.897.034	67.604.573
- Thuế TNDN	-	106.270.711	42.524.595	63.746.116
Cộng	**5.578.862**	**1.328.193.456**	**1.202.421.629**	**131.350.689**

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

10 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu *Đơn vị tính: VND*

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác của chủ sở hữu	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	**4.000.000.000**			**(330.870.013)**	**3.000.000.000**	**6.669.129.987**
Tăng vốn trong năm trước	56.010.600.000					**56.010.600.000**
Lãi trong năm trước				31.994.884		31.994.884
Tăng khác	3.000.000.000					3.000.000.000
Giảm khác					3.000.000.000	3.000.000.000
Số dư đầu năm nay	**63.010.600.000**	-	-	**(298.875.129)**	-	**62.711.724.871**
Tăng vốn trong năm						-
Lãi trong năm				468.973.502		468.973.502
Tăng khác						-
Giảm khác						-
Số dư cuối năm	**63.010.600.000**	-	-	**170.098.373**	-	**63.180.698.373**

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các đối tượng khác	100%	63.010.600.000	63.010.600.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	**Kỳ này**	**Kỳ trước**
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	*63.010.600.000*	*4.000.000.000*
- Vốn góp tăng trong kỳ	*-*	*56.010.600.000*
- Vốn góp cuối kỳ	*63.010.600.000*	*60.010.600.000*

d) Cổ phiếu	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.301.060	6.301.060
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.301.060	6.301.060
- Cổ phiếu phổ thông	*6.301.060*	*6.301.060*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.301.060	6.301.060
- Cổ phiếu phổ thông	*6.301.060*	*6.301.060*

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000VND/Cổ phiếu

đ) Cổ tức

e) Các quỹ của doanh nghiệp

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

	Số cuối kỳ	**Số đầu năm**
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	74,43	-
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu		(10,62)

11 . CÁC THÔNG TIN KHÁC DO DOANH NGHIỆP TỰ GIẢI TRÌNH, THUYẾT MINH

VI . Thông tin vỗ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh *Đơn vị tính: VND*

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	**Kỳ này**	**Kỳ trước**
Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hóa	11.598.970.340	
Cộng	**11.598.970.340**	**-**

2 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN	**Kỳ này**	**Kỳ trước**
Giá vốn của hàng đã bán		
- Giá vốn hàng hóa	11.525.270.440	
Cộng	**11.525.270.440**	**-**

3 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	**Kỳ này**	**Kỳ trước**
Lãi tiền gửi, cho vay	77.489.882	722.368
Lãi bán các khoản đầu tư	1.216.000.000	
Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	100.000.000	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	168.745.000	
Cộng	**1.393.489.882**	**722.368**

4 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH	**Kỳ này**	**Kỳ trước**
Lãi tiền vay	6.611.576	
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	81.874.000	
Chi phí tài chính khác	139.708.762	3.466.164
Cộng	**228.194.338**	**3.466.164**

5 . CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân công	305.671.625	
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.554.425	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.499.998	
Thuế, phí, lệ phí	4.000.000	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	191.843.439	
Chi phí bằng tiền khác	201.927.851	15.128.380
Cộng	**727.497.338**	**15.128.380**

6 . CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.554.425	
Chi phí nhân công	305.671.625	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.499.998	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	191.843.439	-
Chi phí bằng tiền khác	205.927.851	15.128.380
Cộng	**727.497.338**	**15.128.380**

7 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	511.498.097	(17.872.176)
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Số lỗ được chuyển từ năm trước	298.875.129	
Tổng thu nhập tính thuế	212.622.968	(17.872.176)
Thu nhập chịu thuế 20%	212.622.968	
Thuế suất thuế TNDN	20%	
Thuế TNDN điều chỉnh năm trước		
Thuế TNDN hiện hành	42.524.594	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	468.973.503	(17.872.176)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

3 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

3.1 Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

3.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	24.889.175.209	29.726.878.527
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	10.557.800.000	31.103.700.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	581.000.000	67.200.000

3.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 trở lên (VND)	Cộng
Số đầu năm			
Các khoản vay	92.251.818	1.904.965.000	**1.997.216.818**
Phải trả người bán	15.150.000	-	**15.150.000**
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	-	-	-
Số cuối kỳ			
Các khoản vay	1.119.996.467	-	**1.119.996.467**
Phải trả người bán	1.625.354	-	**1.625.354**
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	-	-	-

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

3.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

3.5 Giá trị hợp lý

- ***So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ***

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	25.329.451.746	25.329.451.746	30.694.690.503	30.694.690.503
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	581.000.000	(*)	67.200.000	(*)
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	9.700.000.000	(*)	9.700.000.000	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu		(*)		
- Các khoản đầu tư tài chính khác	857.800.000	(*)	21.403.700.000	21.403.700.000
+ Các khoản đầu tư tài chính vào cổ phiếu đang niêm yết trên thị trường chứng khoán	4.100.000	4.100.000	20.550.000.000	20.550.000.000
+ Các khoản đầu tư tài chính vào cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán	853.700.000	(*)	853.700.000	853.700.000
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Vay ngắn hạn	(1.119.996.467)	(1.119.996.467)	(92.251.818)	(92.251.818)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(1.625.354)	(1.625.354)	(15.150.000)	(15.150.000)
- Vay dài hạn	-	-	(1.904.965.000)	(1.904.965.000)
	35.346.629.925	**(*)**	**81.256.923.685**	**(*)**

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

- ***Cơ sở xác định giá trị hợp lý***

Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CHỌN LỌC (tiếp theo) Mẫu số B 09a - DN

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/06/2016

4 . Thông tin về các bên liên quan

a) Các bên liên quan	Mối quan hệ
Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng giám đốc
Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh	Em gái bà Vũ Cẩm La Hương
Ông Vũ Đông Hải	Em trai bà Vũ Cẩm La Hương

Giao dịch với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong 6 tháng đầu năm 2016 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch	Số dư đến 30/06/2016
	Công ty vay tiền của Bà Hương	200.000.000	
	Công ty trả tiền vay cho Bà Hương	950.000.000	910.000.000
Bà Vũ Cẩm La Hương	Ứng trước tiền mua nhà cho Bà Hương	24.044.894.000	26.544.894.000
	Tạm ứng cho bà Hương	200.000.000	
	Hoàn ứng	8.000.000	192.000.000
	Công ty chuyển tiền HTĐT theo Hợp đồng HTDT số 01/2016/HĐHTĐT/VNBC-VDH	2.900.000.000	
Ông Vũ Đông Hải	Công ty nhận lại tiền HTĐT từ ông Hải	2.900.000.000	
	Thu lãi từ hợp đồng HTĐT	100.000.000	
	Tạm ứng	25.000.000	25.000.000
Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh	Công ty trả nợ vay Bà Hạnh	55.000.000	189.965.000

Tại thời điểm 30/06/2015, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau: *Đơn vị tính: VND*

Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bà Vũ Cẩm La Hương	26.544.894.000	2.500.000.000

b) Thù lao chi trả trong kỳ cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay VND
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT	54.620.000
Bà Nguyễn Thị Hải	Trưởng Ban kiểm soát	34.435.000
Ông Đào Công Quỳnh	TV Ban kiểm soát	25.935.000
Ông Nguyễn Như Mạnh	TV Ban kiểm soát	21.735.000
Tổng cộng		**136.725.000**

5 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán và số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015 của Công ty CP Đầu tư VN Benchmark chưa được kiểm toán.

6 . Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

7 . Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trong yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2016

Kế toán trưởng	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Nguyễn Tiến Dương	Nguyễn Thanh Huyền

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VN BENCHMARK